

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

---

Hà Nội, tháng 12 năm 2020

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 25

## **BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC**

Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Thái Minh Dương	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 21/11/2019)
Ông Zhang Zheng Ming	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 23/08/2019)
Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 23/08/2019) (Miễn nhiệm ngày 20/11/2019)
Bà Phạm Thu Phương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20/11/2019)
Ông Song Li Wei	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20/11/2019)
Ông Trần Anh Thái	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20/11/2019)
Ông Đỗ Ngọc Dũng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/11/2019)
Ông Beh Heng Long	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/11/2019)
Ông Lê Cảnh Toàn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/11/2019)
Bà Trần Thị Thu Hiền	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/11/2019)

#### **Giám đốc**

Ông Lê Cảnh Toàn	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 21/11/2019)
Ông Lê Hải Đường	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 26/03/2019) (Miễn nhiệm ngày 21/11/2019)
Ông Zhang Zheng Ming	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 26/03/2019)

#### **Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Ông Zhang Zheng Ming	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 26/03/2019
Ông Lê Hải Đường	Từ ngày 26/03/2019 đến ngày 21/11/2019
Ông Lê Cảnh Toàn	Từ ngày 21/11/2019 đến ngày lập báo cáo này

### **TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC**

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính trong năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



**BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Theo ý kiến của Giám đốc, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Lê Cảnh Toàn**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2020

SAC  
DN  
TN  
M  
A  
P



Số: 378 /VACO/BCKiT.NV2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 12 năm 2020, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Giám đốc*

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### *Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Tại ngày cuối năm, một số khoản phải thu khách hàng và phải trả người bán chưa đối chiếu với số tiền lần lượt là 1.568.562.309 VND và 2.708.393.361 VND. Chúng tôi không thu thập được bằng chứng đầy đủ và thích hợp để xác nhận các khoản công nợ trên có hiện hữu, đầy đủ không và liệu có phải điều chỉnh gì liên quan đến giá trị các khoản công nợ này cũng như ảnh hưởng (nếu có) của chúng đến các khoản mục khác trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

### *Ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Văn Phòng tại Tp. Hồ Chí Minh  
Lầu 6, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ  
P. 15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: (84-28) 3840 6618  
Fax: (84-28) 3840 6616

Văn Phòng tại Tp. Đồng Nai  
Số 79 Đ. Hà Huy Tập, P. Quyết Thắng  
Tp. Biên Hòa, T. Đồng Nai  
Tel: (84-251) 382 8560  
Fax: (84-251) 382 8560

Văn Phòng tại Tp. Hải Phòng  
Tầng 4, số 19, Đ. Điện Biên Phủ, P. Máy Tơ  
Q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng  
Tel: (84-225) 353 4655  
Fax: (84-225) 353 4316



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 1, mục “Hoạt động liên tục” của Thuyết minh Báo cáo tài chính: Doanh thu giảm sút, hoạt động kinh doanh thua lỗ, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh âm trong các năm gần đây dẫn đến tại ngày 31/12/2019, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 12,424 tỷ VND, khả năng thanh toán và các chỉ số tài chính không tốt là các yếu tố dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ban lãnh đạo mới của Công ty đang xây dựng kế hoạch kinh doanh trong những năm tới theo hướng đa dạng hóa ngành nghề, cùng với kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ để bổ sung nguồn vốn hoạt động cho Công ty. Ban lãnh đạo mới đã bước đầu triển khai việc bổ sung nhân sự chủ chốt cho Công ty; xây dựng kế hoạch kinh doanh tài chính trong 2 năm tới cùng kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ để trình Đại hội đồng cổ đông cùng các cơ quan quản lý có thẩm quyền thông qua. Đồng thời, như đã trình bày tại Thuyết minh số 27 - “Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán”, đến ngày phát hành báo cáo này, Công ty đã ký hợp đồng nguyên tắc với Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất - Xây dựng Đông Mê Kông về việc Công ty sẽ cung cấp các nguyên, vật liệu xây dựng cho Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất - Xây dựng Đông Mê Kông với tổng giá trị nguyên, vật liệu xây dựng lên đến hơn 29 tỷ VND cũng như thu xếp, đàm phán và ký được các hợp đồng nguyên tắc về mua nguyên, vật liệu xây dựng từ các nhà cung cấp khác để cung cấp cho Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất - Xây dựng Đông Mê Kông theo hợp đồng đã ký với Công ty này. Những thông tin trên cho thấy, có sự tồn tại của sự kiện trọng yếu không chắc chắn về tính liên tục hoạt động của Công ty, khi khả năng phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ để bổ sung nguồn vốn lưu động cho Công ty phụ thuộc vào sự thông qua của Đại hội đồng cổ đông cũng như các cơ quan quản lý có liên quan; hay tùy thuộc vào sự hỗ trợ tài chính và các hỗ trợ khác từ các cổ đông chính.

Như trình bày tại Thuyết minh số 7 của Thuyết minh Báo cáo tài chính: Tổng giá trị các hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xây dựng An Đức là 12,8 tỷ VND, lớn hơn 35% giá trị tổng tài sản trên Báo cáo tài chính đã được soát xét quý 2 năm 2019 và chưa được Đại Hội đồng cổ đông Công ty thông qua nhưng giá trị của mỗi hợp đồng này không vượt quá 35% giá trị tổng tài sản trên Báo cáo tài chính đã được soát xét quý 2 năm 2019 và cũng đều đã được Hội đồng Quản trị Công ty thông qua trước khi thực hiện.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



**Lê Xuân Thắng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0043-2016-156-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2020

**Nguyễn Phương Lan**  
Kiểm toán viên  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0917-2018-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>13.441.927.241</b>	<b>19.504.005.326</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>106.231.876</b>	<b>1.236.188.627</b>
1. Tiền	111	4	106.231.876	1.236.188.627
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>13.318.410.716</b>	<b>17.969.841.009</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	1.594.062.394	14.337.161.957
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		89.400.000	42.750.000
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	6	4.361.375.024	4.361.375.024
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	13.250.950.106	3.635.823.689
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(5.977.376.808)	(4.407.269.661)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>-</b>	<b>228.338.842</b>
1. Hàng tồn kho	141		297.401.567	228.338.842
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(297.401.567)	-
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>17.284.649</b>	<b>69.636.848</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	14.250.050	66.702.249
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		229.246	129.246
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	14	2.805.353	2.805.353
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>-</b>	<b>73.316.786</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	-	-
- Nguyên giá	222		62.860.350	525.112.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(62.860.350)	(525.112.545)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>9</b>	<b>-</b>	<b>69.529.614</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	69.529.614
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>3.787.172</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	-	3.787.172
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>13.441.927.241</b>	<b>19.577.322.112</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>5.719.851.672</b>	<b>8.562.352.237</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.719.851.672</b>	<b>8.268.352.237</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	3.164.305.242	6.292.210.098
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	1.588.007.754	1.588.007.754
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	64.771.143	274.658.660
4. Phải trả người lao động	314		424.655.849	85.534.182
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	478.111.684	27.941.543
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>294.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	-	294.000.000
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>7.722.075.569</b>	<b>11.014.969.875</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>7.722.075.569</b>	<b>11.014.969.875</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		146.866.588	146.866.588
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) lũy kế	421		(12.424.791.019)	(9.131.896.713)
- Lợi nhuận/(lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(9.131.896.713)	(10.025.362.489)
- Lợi nhuận/(lỗ) năm nay	421b		(3.292.894.306)	893.465.776
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>13.441.927.241</b>	<b>19.577.322.112</b>



Lê Cảnh Loan  
 Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2020

Nguyễn Tiến Đạt  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Tiến Đạt  
 Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.502.663.687	7.733.857.899
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10	17	1.502.663.687	7.733.857.899
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	1.123.792.966	3.343.295.146
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		378.870.721	4.390.562.753
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.208.884	266.386
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	3.728.451.528	1.718.168.280
7. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - 26}	30		(3.348.371.923)	2.672.660.859
8. Thu nhập khác	31		63.327.455	325.108.988
9. Chi phí khác	32		7.849.838	2.055.820.483
10. Lỗ hoạt/(Lỗ) động khác (40 = 31 - 32)	40		55.477.617	(1.730.711.495)
11. Tổng lợi nhuận/(Lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(3.292.894.306)	941.949.364
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	-	-
13. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		(3.292.894.306)	941.949.364
14. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	23	(1.646)	471



Lê Cảnh Toàn  
 Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2020

  
 Nguyễn Tiến Đạt  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Tiến Đạt  
 Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế/(Lỗ) lũy kế	01	(3.292.894.306)	941.949.364
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Các khoản dự phòng	03	1.867.508.714	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(64.535.589)	(266.386)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.489.921.181)	941.682.978
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	3.081.223.146	(7.296.050.356)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	466.889	244.654.992
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.842.500.565)	2.894.722.632
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	56.239.371	(64.685.251)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.194.492.340)	(3.279.675.005)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	63.326.705	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.208.884	266.386
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	64.535.589	266.386
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(1.129.956.751)	(3.279.408.619)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.236.188.627	4.515.597.246
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	106.231.876	1.236.188.627



Lê Cảnh Toàn  
Giám đốc  
Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2020

Nguyễn Tiến Đạt  
Kế toán trưởng

Nguyễn Tiến Đạt  
Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần với mã số doanh nghiệp 0103020312 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2007; Đăng ký thay đổi mới nhất lần thứ 12 số 0102403985 ngày 27 tháng 12 năm 2019.

Vốn điều lệ theo đăng ký là 20.000.000.000 VND tương ứng với 2.000.000 cổ phần với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty là: Tầng 12, Toà nhà Charmvit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 2 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 8 người).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là PPE.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kiểm tra phân tích kỹ thuật;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Khai thác quặng kim loại;
- Các ngành nghề khác theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

**Hoạt động kinh doanh chính:** Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Trong năm, Công ty có thay đổi lớn trong cơ cấu cổ đông và Ban lãnh đạo: Từ tháng 9 năm 2019, các cổ đông chính và Ban lãnh đạo cũ dần thoái vốn, các cổ đông mới tiếp dần tiếp quản và bổ nhiệm Ban lãnh đạo mới. Việc kinh doanh ngành nghề cũ không còn phù hợp dẫn đến giảm sút doanh thu, hoạt động kinh doanh không hiệu quả nên Ban lãnh đạo mới có kế hoạch sẽ đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh trong việc tái cấu trúc Công ty. Trong năm tài chính 2019 và cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn đang thực hiện các bước xây dựng phương án kinh doanh và phương án tài chính, huy động vốn, bổ sung nhân sự chủ chốt.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****Hoạt động liên tục**

Doanh thu giảm sút, hoạt động kinh doanh thua lỗ trong các năm gần đây dẫn đến tại ngày 31/12/2019, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 12,424 tỷ VND; trong khi doanh thu từ hoạt động kinh doanh thấp và dòng tiền từ hoạt động kinh doanh âm 1,2 tỷ VND. Ban lãnh đạo mới của Công ty đang xây dựng kế hoạch kinh doanh trong những năm tới theo hướng đa dạng hóa ngành nghề, cùng với kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ để bổ sung nguồn vốn hoạt động cho Công ty. Ban lãnh đạo mới đã bước đầu triển khai việc bổ sung nhân sự chủ chốt cho Công ty; xây dựng kế hoạch kinh doanh tài chính trong 2 năm tới cùng kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ để trình Đại hội đồng cổ đông cùng các cơ quan quản lý có thẩm quyền thông qua. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 27 - “Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán”, đến ngày phát hành báo cáo này, Công ty đã ký hợp đồng nguyên tắc với Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất - Xây dựng Đông Mê Kông về việc Công ty sẽ cung cấp các nguyên, vật liệu xây dựng cho Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất - Xây dựng Đông Mê Kông với tổng giá trị nguyên, vật liệu xây dựng lên đến hơn 29 tỷ VND cũng như thu xếp, đàm phán và ký được các hợp đồng nguyên tắc về mua nguyên, vật liệu xây dựng từ các nhà cung cấp khác để cung cấp cho Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất - Xây dựng Đông Mê Kông theo hợp đồng đã ký với Công ty này. Giám đốc Công ty đánh giá rằng, với hỗ trợ tài chính và các hỗ trợ khác từ các cổ đông chính, khi kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua và các cơ quan quản lý liên quan chấp thuận việc tăng vốn này, Công ty sẽ có các nguồn vốn cần thiết để triển khai các kế hoạch kinh doanh, đa dạng hóa dịch vụ và tăng doanh thu, cải thiện kết quả kinh doanh của Công ty trong thời gian tới. Theo đó, Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; Theo đó, Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) *Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- b) *Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

*Nợ phải trả tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng**

Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng là khoản phải thu tương ứng với doanh thu của phần công việc đã hoàn thành trong kỳ (không phải hoá đơn), không phải chờ khách hàng xác nhận do Công ty tự lập mà trong hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch.

**Hàng tồn kho**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng các khoản lỗ hợp đồng. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ cho các dự án đang thực hiện. Chi phí sản xuất dở dang quá một chu kỳ kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo được phân loại là chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

##### Các khoản trả trước

Các khoản trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh bao gồm công cụ dụng cụ và các khoản chi phí trả trước phục vụ hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Đối với công cụ, dụng cụ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tương ứng với thời gian không quá 3 năm, đối với chi phí trả trước phân bổ theo thời hạn hợp đồng.

Công ty căn cứ vào thời gian hợp đồng và thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại vào chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn và không thực hiện phân loại lại tại thời điểm báo cáo.

##### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u> (Số năm)
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

##### Ghi nhận doanh thu

###### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

###### Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Chủ tịch Hội đồng Quản trị về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản lỗ lũy kế (lỗ kế toán) là 12.424.791.019 VND, trong đó có 6.303.813.285 VND có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai (tối đa là 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ). Tuy nhiên, Công ty chưa ghi nhận khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế trên do Công ty chưa chắc chắn về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	831.875	357.035
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	105.400.001	1.235.831.592
<b>Cộng</b>	<b><u>106.231.876</u></b>	<b><u>1.236.188.627</u></b>

**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<b><u>1.594.062.394</u></b>	<b><u>14.337.161.957</u></b>
Ban QLDA Phát triển Điện lực - TCTĐL Miền Bắc (*)	1.135.910.405	1.218.910.405
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	-	7.825.935.000
Công ty CP XD TM & Khoáng sản Hoàng Phúc	-	3.813.661.390
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	-	1.020.503.162
Khách hàng khác (*)	458.151.989	458.152.000
<i>Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên quan:</i>	-	<b><u>12.660.099.552</u></b>
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	-	7.825.935.000
Công ty CP XD TM & Khoáng sản Hoàng Phúc	-	3.813.661.390
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	-	1.020.503.162

(\*) Khoản phải thu Ban QLDA Phát triển Điện lực - TCTĐL Miền Bắc có giá trị là 1.135.910.405 VND cùng một số khoản phải thu của các khách hàng khác có giá trị là 432.651.904 VND chưa có đối chiếu công nợ tại ngày cuối năm.

**6. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng</i>	<b><u>4.361.375.024</u></b>	<b><u>4.361.375.024</u></b>
Công trình Nậm Pàn	4.138.319.061	4.138.319.061
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (i)	223.055.963	223.055.963

**Ghi chú:**

- (i) Phản ánh các khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 ghi nhận lần lượt từ các năm 2013, 2015 căn cứ theo bảng xác nhận khối lượng hoàn thành do Công ty tự xác định, đến nay chưa được nhiệm thu và xác nhận bởi chủ đầu tư.

Khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng này chưa được trích lập dự phòng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**7. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>13.250.950.106</b>	<b>268.950.600</b>	<b>3.635.823.689</b>	<b>268.950.600</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư TM Dịch vụ Xây dựng An Đức (i)	12.800.500.000	-	-	-
Zhang Zheng Ming - Bên liên quan	-	-	3.255.299.938	-
Công ty Cổ phần Hải Long	268.950.600	268.950.600	268.950.600	268.950.600
Tạm ứng	51.877.000	-	56.231.500	-
Cầm cố, ký quỹ, ký cược	119.122.506	-	50.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	10.500.000	-	5.341.651	-

**Ghi chú:**

- (i) Là số tiền mà Công ty đã thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xây dựng An Đức (“Công ty An Đức”) theo 3 hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2019/HDHT-PPE, số 02/2019/HDHT-PPE và số 03/2019/HDHT-PPE, trong đó, Công ty góp vốn cho Công ty An Đức để hợp tác cùng Công ty An Đức thực hiện 3 hạng mục khác nhau trong Hợp đồng thi công xây dựng số 34-T8/HĐTC/ĐMK-LD ngày 20/08/2018 mà Công ty An Đức ký với Chủ đầu tư và Công ty sẽ được chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh (ở mức 55%, 65% và 65% tương ứng với từng hợp đồng nói trên) là phần chênh lệch giữa giá trị được nghiệm thu và giá trị hợp tác kinh doanh. Dù tổng giá trị góp vốn với Công ty An Đức trong 3 hợp đồng này lên đến 12.800.500.000 VND (vượt quá 35% tổng giá trị tài sản trên Báo cáo tài chính đã được soát xét quý 2 năm 2019 và chưa được Đại Hội đồng cổ đông Công ty thông qua nhưng giá trị góp vốn của Công ty trong mỗi hợp đồng hợp tác kinh doanh nói trên không vượt quá 35% tổng giá trị tài sản trên Báo cáo tài chính đã được soát xét quý 2 năm 2019 và cũng đều được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt trước khi thực hiện.

Như trình bày tại Thuyết minh số 27 - Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Ngày 29/10/2020, Công ty cùng với Công ty An Đức và ông Nguyễn Văn Đức đã ký các phụ lục hợp đồng số 01, 02, 03/2020/PL-HĐHT-PPE về việc nếu Công ty An Đức không đủ khả năng tài chính hoàn trả phần vốn góp cho Công ty thì ông Nguyễn Văn Đức sẽ đứng ra bảo lãnh và thanh toán cho Công ty. Theo đó, ngày 29/10/2020, Ông Nguyễn Văn Đức đã chuyển vào tài khoản của Công ty số tiền 12.800.500.000 VND (bằng tổng số tiền mà Công ty đã chuyển cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xây dựng An Đức theo 3 hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2019/HDHT-PPE, số 02/2019/HDHT-PPE và số 03/2019/HDHT-PPE nói trên).

**8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ xấu</b>	<b>5.977.376.808</b>	<b>-</b>	<b>4.407.269.661</b>	<b>-</b>
Công trình Nậm Pàn	4.138.319.061	-	4.138.319.061	-
Công ty Cổ phần Hải Long	268.950.600	-	268.950.600	-
Ban QLDA Phát triển Điện lực - TCTĐL Miền Bắc	1.135.910.405	-	-	-
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú - Sông Hậu	211.256.999	-	-	-
Các đối tượng khác	222.939.743	-	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>297.401.567</b>	<b>228.338.842</b>
Công trình bãi thải xỉ của Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình	297.401.567	176.771.680
Tư vấn giám sát Logistics Bắc Giang	-	51.567.162
<b>b) Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>69.529.614</b>
Công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình	-	69.529.614

Ghi chú:

Hàng tồn kho là chi phí vật tư, chi phí nhân công, chi phí chung tập hợp theo từng công trình.

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>14.250.050</b>	<b>66.702.249</b>
Các khoản khác	14.250.050	66.702.249
<b>b) Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>3.787.172</b>
Các khoản khác	-	3.787.172

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<u>Phương tiện vận</u> <u>tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng</u> <u>cụ quản lý</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số đầu năm	462.252.195	62.860.350	525.112.545
Thanh lý, nhượng bán	(462.252.195)	-	(462.252.195)
Số cuối năm	-	62.860.350	62.860.350
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số đầu năm	462.252.195	62.860.350	525.112.545
Thanh lý, nhượng bán	(462.252.195)	-	(462.252.195)
Số cuối năm	-	62.860.350	62.860.350
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày cuối năm với giá trị là 62.860.350 VND (tại ngày đầu năm là 525.112.545 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng</u>
	<u>VND</u>	<u>trả nợ</u> <u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>trả nợ</u> <u>VND</u>
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>3.164.305.242</b>	<b>3.164.305.242</b>	<b>6.292.210.098</b>	<b>6.292.210.098</b>
Công ty Cổ phần Tư vấn Việt - Delta (*)	1.670.425.567	1.670.425.567	1.670.425.567	1.670.425.567
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí (*)	556.045.763	556.045.763	556.045.763	556.045.763
Công ty Tư vấn Địa kỹ thuật - CN TCT TVXD Thủy lợi Việt Nam	340.489.681	340.489.681	340.336.868	340.336.868
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu - CN Tây Bắc (*)	303.218.000	303.218.000	303.218.000	303.218.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Cổ Kênh (*)	171.244.500	171.244.500	171.244.500	171.244.500
Công ty Cổ phần Kinh Bắc CNJ	115.422.200	115.422.200	2.929.080.200	2.929.080.200
Đối tượng khác (*)	7.459.531	7.459.531	321.859.200	321.859.200

(\*) Các đối tượng này không có đối chiếu công nợ tại ngày cuối năm.

**13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>1.588.007.754</b>	<b>1.588.007.754</b>
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	1.422.555.556	1.422.555.556
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	132.452.198	132.452.198
Ban điều hành các dự án của PVC tại Hà Nội	33.000.000	33.000.000

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số thực nộp</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>trong năm</u> <u>VND</u>	<u>trong năm</u> <u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Phải thu</b>				
Thuế TNDN	2.805.353	-	-	2.805.353
<b>Cộng</b>	<b>2.805.353</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.805.353</b>
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	51.333.531	51.333.531	256.900.611	256.900.611
Thuế TNCN	13.437.612	23.010.508	27.330.945	17.758.049
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>64.771.143</b>	<b>77.344.039</b>	<b>287.231.556</b>	<b>274.658.660</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>478.111.684</b>	<b>27.941.543</b>
Các khoản trích theo lương	14.977.384	5.422.566
Phải trả ngắn hạn khác	169.134.300	22.518.977
Cổ tức từ năm 2011 phải trả cổ đông (i)	294.000.000	-
<b>b) Phải trả dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>294.000.000</b>
Cổ tức từ năm 2011 phải trả cổ đông (i)	-	294.000.000

**Ghi chú:**

- (i) Khoản cổ tức còn phải trả cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 08/NQ-ĐHCĐ-TVĐLDK năm 2012 về phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2011 có số dư tại ngày 31/12/2019 là 294.000.000 VND. Đây là khoản cổ tức phải trả cho cổ đông cũ là Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>LNST chưa phân phối/(Lỗ) lũy kế</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	146.866.588	(10.073.846.077)	10.073.020.511
Lỗ trong năm	-	-	941.949.364	941.949.364
Số dư đầu năm nay	<u>20.000.000.000</u>	<u>146.866.588</u>	<u>(9.131.896.713)</u>	<u>11.014.969.875</u>
Lỗ trong năm	-	-	(3.292.894.306)	(3.292.894.306)
Số dư cuối năm nay	<u>20.000.000.000</u>	<u>146.866.588</u>	<u>(12.424.791.019)</u>	<u>7.722.075.569</u>

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 12 ngày 27/12/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2019, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ.

**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

*Chi tiết vốn góp của các cổ đông*

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	4.980.000.000	24,90%	4.980.000.000	24,90%
Bà Nguyễn Thị Diệu Linh	1.919.000.000	9,60%	1.919.000.000	9,60%
Ông Zang Ping	1.431.000.000	7,16%	1.431.000.000	7,16%
Các cổ đông khác	11.670.000.000	58,35%	11.670.000.000	58,35%
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**17. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ đã cung cấp	1.502.663.687	7.733.857.899
<b>Cộng</b>	<b>1.502.663.687</b>	<b>7.733.857.899</b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	826.391.399	3.343.295.146
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	297.401.567	-
<b>Cộng</b>	<b>1.123.792.966</b>	<b>3.343.295.146</b>

**19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.431.914.345	1.072.278.273
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	255.657.867	619.211.660
Chi phí dự phòng	1.570.107.147	-
Các khoản chi phí QLDN khác	467.772.169	23.678.347
<b>Cộng</b>	<b>3.728.451.528</b>	<b>1.718.168.280</b>

**20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	467.682.929	-
Chi phí nhân công	1.657.295.846	1.275.917.206
Chi phí dịch vụ mua ngoài	390.417.674	3.964.897.497
Chi phí khác	2.336.381.156	23.678.347
<b>Cộng</b>	<b>4.851.777.605</b>	<b>5.264.493.050</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lỗi trước thuế	(3.292.894.306)	941.949.364
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.867.508.714	187.967
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>1.867.508.714</i>	<i>187.967</i>
Chuyển lỗ từ các năm trước	-	942.137.331
Thu nhập chịu thuế	(1.425.385.592)	-
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

**22. LỖ VÀ THỜI GIAN CHUYỂN LỖ**

Công ty có các khoản lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản lỗ lũy kế tính thuế	6.303.813.285	4.878.427.693

Kế hoạch chuyển lỗ các khoản lỗ lũy kế đến cuối năm để tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty. Do Công ty chưa dự tính được khi nào sẽ có lợi nhuận để chuyển lỗ trong thời gian tới nên Công ty chưa ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả tương ứng trên báo cáo tài chính này. Các khoản lỗ này (nếu không được chuyển lỗ hàng năm) sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm phát sinh lỗ tính thuế	Thời gian được chuyển lỗ	Số lỗ tính thuế phát sinh	Số lỗ tính thuế đã chuyển	Số lỗ tính thuế còn được chuyển
Năm 2016	2017 - 2021	1.933.769.618	(943.182.250)	990.587.368
Năm 2017	2018 - 2022	3.887.840.325	-	3.887.840.325
Kỳ này	2019 - 2023	1.425.385.592	-	1.425.385.592
<b>Cộng</b>		<b>7.246.995.535</b>	<b>(943.182.250)</b>	<b>6.303.813.285</b>

Công ty hiện chưa thực hiện quyết toán thuế từ khi thành lập đến nay.

**23. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi/(Lỗ) sau thuế TNDN	(3.292.894.306)	941.949.364
Lãi/(Lỗ) để tính lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	(3.292.894.306)	941.949.364
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	2.000.000	2.000.000
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	(1.646)	471



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

***Quản lý rủi ro vốn***

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phân vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

***Hệ số đòn bẩy tài chính***

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(106.231.876)	(1.236.188.627)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	<u>7.722.075.569</u>	<u>11.014.969.875</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,0%</u>	<u>0,0%</u>

***Các chính sách kế toán chủ yếu***

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

***Các loại công cụ tài chính***

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	106.231.876	1.236.188.627
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.815.758.692	13.509.484.485
Các khoản ký quỹ	<u>119.122.506</u>	<u>50.000.000</u>
<b>Cộng</b>	<u>9.041.113.074</u>	<u>14.795.673.112</u>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	<u>3.642.416.926</u>	<u>6.614.151.641</u>
<b>Cộng</b>	<u>3.642.416.926</u>	<u>6.614.151.641</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

***Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính***

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

***Quản lý rủi ro lãi suất:*** Công ty không chịu rủi ro lãi suất do không vay nợ trong năm.

***Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu:*** Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty không có các khoản đầu tư cổ phiếu cho mục đích thương mại, theo đó Công ty không chịu ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Số cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	106.231.876	-	106.231.876
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.815.758.692	-	8.815.758.692
Các khoản ký quỹ	119.122.506	-	119.122.506
<b>Cộng</b>	<b>9.041.113.074</b>	<b>-</b>	<b>9.041.113.074</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	3.642.416.926	-	3.642.416.926
<b>Cộng</b>	<b>3.642.416.926</b>	<b>-</b>	<b>3.642.416.926</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>5.398.696.148</b>	<b>-</b>	<b>5.398.696.148</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.236.188.627	-	1.236.188.627
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.509.484.485	-	13.509.484.485
Các khoản ký quỹ	50.000.000	-	50.000.000
<b>Cộng</b>	<b>14.795.673.112</b>	<b>-</b>	<b>14.795.673.112</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	6.320.151.641	294.000.000	6.614.151.641
<b>Cộng</b>	<b>6.320.151.641</b>	<b>294.000.000</b>	<b>6.614.151.641</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>8.475.521.471</b>	<b>(294.000.000)</b>	<b>8.181.521.471</b>

Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức cao.

**25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	Chung quản lý
Thành viên Hội đồng Quản trị và Giám đốc Công ty	Lãnh đạo chủ chốt

Ngoài số dư được trình bày ở Thuyết minh số 5, 7 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty có nghiệp vụ với các bên liên quan sau:

***Bán hàng***

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang (i)	921.979.142	7.347.110.290

***Ghi chú:***

- (i) Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang có chung quản lý với Công ty đến hết ngày 20/11/2019.

***Thu nhập của Giám đốc và Hội đồng Quản trị***

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập của Giám đốc và Hội đồng Quản trị	221.450.984	219.500.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Năm nay  
**VND**

Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo  
kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm (i)

372.967.071

**Ghi chú:**

- (i) Hợp đồng thuê văn phòng số ST-0519-164 ngày 01/05/2019 ký giữa Công ty và Công ty TNHH Khách sạn Grand Plaza Hà Nội với diện tích thuê là 79,01 m<sup>2</sup> tại Phòng 9A (ô số 01), tầng 12 nằm trong tòa nhà Văn phòng Charmvit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; thời hạn thuê từ ngày 01/05/2019 đến ngày 14/08/2020; đơn giá thuê là 370.000 VND/m<sup>2</sup>/tháng (tương đương 16 USD/m<sup>2</sup>/tháng); phí quản lý hàng tháng là 129.250 VND/m<sup>2</sup>/tháng (tương đương 5,5 USD/m<sup>2</sup>/tháng).

Theo Phụ lục A - Hợp đồng thuê văn phòng ngày 05/09/2019 ký giữa Công ty TNHH Khách sạn Grand Plaza Hà Nội với Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam và Công ty TNHH Đầu tư và quản lý Hoàng Phúc. Từ ngày 01/11/2019, Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam sẽ chuyển nhượng Hợp đồng số ST-0519-164 ký ngày 01/05/2019 với Công ty TNHH Khách sạn Grand Plaza Hà Nội với diện tích thuê là 79,01 m<sup>2</sup> tại Phòng 9 (ô số 01), tầng 12 nằm trong tòa nhà Văn phòng Charmvit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội cho Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc; khoản tiền đặt cọc 119.122.506 VND mà Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam đã ký quỹ bên Công ty TNHH Khách sạn Grand Plaza Hà Nội sẽ được chuyển thành khoản đặt cọc của bên Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc.

- (ii) Hợp đồng thuê nhà ngày 09/01/2019 ký giữa Công ty và Bà Đào Minh Phương với diện tích thuê là 90m<sup>2</sup> tại căn hộ P903B, Nhà CT3B, Dự án khu nhà ở để bán Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; thời hạn thuê là 2 năm kể từ ngày 15/01/2019 đến ngày 15/01/2021; đơn giá thuê là 7.500.000 VND/tháng.

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm <b>VND</b>
Trong vòng 1 năm	<u>90.000.000</u>
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	<u>3.750.000</u>
<b>Cộng</b>	<u><u>93.750.000</u></u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**27. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

- Ngày 29/10/2020, Công ty cùng với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xây dựng An Đức và ông Nguyễn Văn Đức đã ký các phụ lục hợp đồng số 01, 02, 03/2020/PL-HĐHT-PPE về việc nếu Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xây dựng An Đức không đủ khả năng tài chính hoàn trả phần vốn góp cho Công ty thì ông Nguyễn Văn Đức sẽ đứng ra bảo lãnh và thanh toán cho Công ty. Theo đó, ngày 29/10/2020, Ông Nguyễn Văn Đức đã chuyển vào tài khoản Công ty số tiền 12.800.500.000 VND tương đương với giá trị khoản Công ty phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xây dựng An Đức tại Thuyết minh số 07- "Phải thu khác" của Thuyết minh báo cáo tài chính.

- Ngày 29/10/2020, ông Lê Cảnh Toàn ủy quyền cho bà Lưu Thị Bưởi rút số tiền 12.800.500.000 VND để thực hiện tạm ứng cho các hợp đồng kinh tế, tìm kiếm cơ hội kinh doanh. Ngày 10/12/2020, ông Lê Cảnh Toàn đã nộp 7 tỷ VND vào tài khoản của Công ty để Công ty chuyển tiền tạm ứng cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thiết bị điện An Phú theo Hợp đồng số 18/2020/EPC/AP-DKVN ngày 8/12/2020. Ông Lê Cảnh Toàn cũng đã nộp vào tài khoản Công ty tổng số tiền 4,8 tỷ VND để Công ty tiếp tục tạm ứng cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thiết bị điện An Phú số tiền 2 tỷ VND ngày 18/12/2020 và 2,8 tỷ VND ngày 28/12/2020.

- Ngày 1/12/2020, Công ty ký hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT.2020/DMK+PPE với Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất - Xây dựng Đông Mê Kông, theo đó, Công ty chịu trách nhiệm cung cấp vật liệu xây dựng với giá trị 29,3 tỷ cho dự án đầu tư xây dựng công trình khôi phục, cải tạo quốc lộ 20 đoạn Km0+000-KM123+105,17 trên nền địa phận hai tỉnh Đồng Nai và Lâm Đồng theo hình thức hợp đồng BT mà Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất - Xây dựng Đông Mê Kông là một trong các nhà đầu tư.

Công ty đã ký các Hợp đồng mua bán số 03/HĐMB/DP-PPE ngày 06/12/2020, số 04/HĐMB/DP-PPE ngày 09/12/2020 và số 05/HĐMB/DP-PPE ngày 15/12/2020 với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Dũng Phát về việc mua hàng hóa là các nguyên, vật liệu xây dựng để cung cấp các nguyên, vật liệu xây dựng này cho Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất - Xây dựng Đông Mê Kông theo hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT.2020/DMK+PPE trên đây.

- Theo kế hoạch sản xuất - kinh doanh và tài chính ngày 20/12/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Công ty đề xuất phương án tăng vốn điều lệ lên 40 tỷ thông qua hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược để có nguồn tài chính thực hiện các hợp đồng nêu trên. Công ty sẽ trình Đại hội cổ đông thông qua phương án tăng vốn điều lệ trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sắp tới; cũng như triển khai các bước để xin chấp thuận của các cấp có thẩm quyền về việc phát hành cổ phiếu này sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua.

**28. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán.



Lê Cảnh Toàn  
Giám đốc  
Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2020

Nguyễn Tiến Đạt  
Kế toán trưởng

Nguyễn Tiến Đạt  
Người lập biểu